

TỈNH HÀ ĐÔNG - NƠI THÍ ĐIỂM CHÍNH SÁCH CẢI LƯƠNG HƯƠNG CHÍNH THỜI PHÁP THUỘC

NGUYỄN THỊ LỆ HÀ*

1. Chính quyền Pháp với chủ trương cải lương hương chính

Làng xã là đơn vị cơ sở trong hệ thống hành chính thời Nguyễn. Trong thời kỳ đầu cai trị Việt Nam, đi đôi với việc tổ chức bộ máy thực dân, chính quyền Pháp vẫn bảo lưu bộ máy chính quyền phong kiến ở các làng xã. Mục đích của chính quyền thực dân Pháp lúc này là bình định các vùng đất vừa chiếm đóng được, trấn áp các hoạt động chống đối của nhân dân, đồng thời nắm được các nguồn thu về thuế cùng với việc bắt phu và bắt lính ở làng xã.

Sang đầu thế kỷ XX, đặc biệt sau khi Chiến tranh thế giới lần thứ nhất kết thúc, chính quyền Pháp tiến hành *Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai* (1919-1929). Với *Chương trình* này, thực dân Pháp bộc lộ rõ tham vọng kiểm soát chặt chẽ chính quyền cai trị từ trung ương đến địa phương, cấp thấp nhất là làng xã. Đồng thời, khi phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam bắt đầu thức tỉnh theo xu hướng mới, ngày càng lan rộng ở nông thôn, thì làng xã trở nên bất lợi cho chính quyền thực dân. Tính độc lập, tự trị của làng xã được củng cố thêm cho khả năng trở thành pháo đài chống Pháp. Điều đó làm thực dân Pháp lo sợ. Vì vậy, để nắm lấy nông thôn Việt Nam, thực dân Pháp không thể quản lý nông thôn bằng cách chỉ

dựa vào tầng lớp kỳ mục do chế độ phong kiến để lại, mà quyết định tiến hành cải tổ bộ máy chính quyền cấp xã. Nhưng vì Bắc Kỳ là vùng đất có phong tục tập quán hàng nghìn năm, tư tưởng Nho giáo ăn sâu vào mọi tầng lớp nhân dân, nên việc thay đổi phong tục tập quán của làng xã cổ truyền ngay tức thì là việc làm không dễ. Do vậy, thực dân Pháp phải tiến hành thử nghiệm chính sách này nhằm thăm dò phản ứng của nhân dân trước khi thực hiện đồng loạt trên cả Bắc Kỳ vào năm 1921.

Việc tìm hiểu chính sách cải lương hương chính ở Bắc Kỳ nói chung và ở Hà Đông nói riêng là một vấn đề rộng lớn. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập tới những lý do chủ yếu mà chính quyền thực dân Pháp chọn tỉnh Hà Đông làm thí điểm chính cải lương hương chính.

2. Hà Đông là tỉnh được chọn làm thí điểm cải lương hương chính

Trước khi thực dân Pháp xâm lược, tỉnh Hà Nội bao gồm một phần đất rộng lớn; sau này tách ra thành tỉnh Hà Đông, Hà Nam và thành phố Hà Nội. Tỉnh lỵ Hà Nội đóng tại huyện Thọ Xương. Sau khi đầu hàng thực dân Pháp, năm 1888, triều đình Huế cắt hai huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận cho thực dân Pháp làm nhượng địa để lập thành phố Hà Nội. Tỉnh lỵ Hà Nội phải chuyển xuống phủ Lý Nhân. Năm 1902, phủ Lý Nhân lại tách ra thành một

* ThS. Viện Sử học.

tỉnh riêng gọi là Hà Nam. Tỉnh lỵ Hà Nội chuyển về đóng tại làng Cầu Đơ, huyện Thanh Oai và tên tỉnh cũng gọi là Cầu Đơ. Năm 1904, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định đổi tỉnh Cầu Đơ thành tỉnh Hà Đông.

Ngay khi mới thành lập, Hà Đông là một trong những tỉnh lớn ở đồng bằng Bắc Bộ. Diện tích toàn tỉnh rộng 154.870 ha, dân số 904.735 người¹. Hà Đông chia làm 4 phủ (Hoài Đức, Thường Tín, Ứng Hòa, Mỹ Đức), 6 huyện (Đan Phượng, Thanh Trì, Hoàn Long², Chương Mỹ, Phú Xuyên, Thanh Oai) và những làng vạn chài sống trên các triền sông trong tỉnh. Toàn tỉnh Hà Đông có 105 tổng và 820 xã (đứng thứ 2 về số lượng làng xã sau Hải Dương) với 200.193 dân đinh (số liệu năm 1915)³. Quy mô làng xã của Hà Đông cũng như các tỉnh đồng bằng ở Bắc Kỳ khá nhỏ. Đầu thế kỷ XX, diện tích trung bình của mỗi làng xã là 2 km²; quy mô dân số, trung bình mỗi xã có 285 suất đinh; số lượng làng xã dưới 100 dân đinh là 13, từ 100-200 dân đinh là 43, từ 200-500 dân đinh là 70; số lượng xã có quy mô lớn với trên 3000 dân đinh là 29 xã⁴.

Hà Đông có 6 đặc điểm nổi trội so với các tỉnh khác ở Bắc Kỳ, nên thực dân Pháp đã chọn làm thí điểm cải lương hương chính. Đó là:

Thứ nhất, Hà Đông là cửa ngõ phía tây-nam Hà Nội, có một vị trí đặc biệt quan trọng, là trung tâm chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội của toàn xứ Bắc Kỳ. Hà Đông cũng là cầu nối giữa Hà Nội với nhiều vùng của đất nước, là địa bàn cơ động có tính chiến lược. Phía bắc Hà Đông

giáp tỉnh Sơn Tây, là vùng đệm nằm giữa đồng bằng Bắc Bộ với Việt Bắc. Phía tây Hà Đông tiếp giáp với tỉnh miền núi Hòa Bình, cửa ngõ tây bắc. Phía nam Hà Đông giáp tỉnh Hà Nam, cửa ngõ của đồng bằng sông Hồng nhiều phù sa. Tỉnh Hà Đông hình tứ giác, hai phía dài chạy từ bắc đến nam, hai phía ngắn, một phía chạy từ đông bắc đến tây nam, còn phía kia chạy từ tây bắc đến đông nam. Các tuyến đường huyết mạch từ thành phố Hà Nội đi các tỉnh đều qua Hà Đông: Hà Nội-Sơn Tây, Hà Nội-Hòa Bình, Hà Nội-Phủ Lý. Với vị trí địa lý đặc biệt quan trọng như vậy, Hà Đông được chính quyền Pháp đặc biệt quan tâm.

Hà Đông có lịch sử lâu đời, là vùng đất cổ xưa của đồng bằng Bắc Bộ. Các làng xã ở Hà Đông có bề dày truyền thống lịch sử và văn hóa, mang đầy đủ đặc trưng của làng Việt truyền thống. Đó là sự phân tầng đẳng cấp sâu sắc trong các bộ phận dân cư, sự tồn tại vững bền các tập tục cổ truyền và tính tự trị, tự quản lâu đời trong làng xã. Bởi vậy, diện mạo của các làng xã ở tỉnh Hà Đông có thể xem là tiêu biểu và điển hình cho vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Thứ hai, về chính trị, Hà Đông nằm ở vị thế thuận lợi có điều kiện tiếp nhận nhanh nhạy, sâu sắc mọi diễn biến về chính trị, xã hội của đất nước thông qua tác động trực tiếp từ thành phố Hà Nội. Ngược lại, sự hưởng ứng kịp thời, mạnh mẽ của nhân dân Hà Đông qua các phong trào yêu nước, đấu tranh cách mạng là sự phối hợp, hỗ trợ trực tiếp đối với Hà Nội, sự đóng góp tích cực với phong trào chung của cả nước. Tiêu biểu nhất là Trường Đông Kinh nghĩa thực (1907) mở tại Hà Nội với người sáng

lập là cụ Lương Văn Can (quê ở Nhị Khê huyện Thường Tín) đã có ảnh hưởng khá sâu rộng ở các huyện của tỉnh Hà Đông, bao quanh Hà Nội, như Hoài Đức, Thanh Trì, Đan Phượng.

Năm 1908, trong một bản tường trình gửi Công sứ Jules Bosc⁵ đã có đánh giá vị trí chiến lược quan trọng của tỉnh Hà Đông như sau: *“Do điều kiện địa dư, do mật độ dân số trong đó có nhiều sĩ phu sống và hoạt động, do sự tiếp giáp với Hà Nội là thành phố bị đất đai Hà Đông bao quanh, cho nên tỉnh Hà Đông là một trong những tỉnh ở Bắc Kỳ mà những biến cố về chính trị gây được ảnh hưởng và tiếng vang nhiều nhất. Nếu như cần có một máy ghi để đo sức mạnh tinh thần của người An Nam và những thay đổi về trạng thái tư tưởng của dân chúng, thì chính Hà Đông là nơi cần phải đặt thứ máy đó, là vì những chấn động của nó làm lay chuyển hình thái xã hội được thể hiện một cách mạnh mẽ nhất, trung thực nhất”*⁶.

Chính quyền Pháp không ngừng tăng cường và củng cố bộ máy cai trị ở tỉnh Hà Đông. Tính từ năm 1906 đến năm 1915, tỉnh Hà Đông đã có 9 viên Công sứ⁷. Chính quyền Pháp bố trí những viên Công sứ nhà nghề, lão luyện, nhiều thủ đoạn trong “nghề cai trị”; trong đó có những phần tử thực dân khét tiếng như Công sứ Jules Bride được mệnh danh là một trong tứ hung Bắc Kỳ⁸, hay như Công sứ Henri Fouque được các viên quan cai trị Pháp tôn là bậc thầy trong “nghề cai trị”, nhất là về mặt tâm lý, tập quán và đào tạo tay sai vì “hiểu thấu người bản xứ”. Chính vì vậy, ngay từ cuối năm 1909, chính quyền thực dân Pháp đã đánh giá tình hình chính trị ở Hà Đông là “trở lại

tình trạng bình ổn về mặt chính trị”⁹ hay “mãn nguyện về tình hình chính trị”¹⁰.

Do Hà Đông gần Hà Nội, nên đội ngũ cai trị còn được bổ sung một lực lượng đông đảo là các hưu quan, thành phần có nhiều kinh nghiệm trong việc cai trị. Sự cộng tác giữa hai bộ phận người Pháp thống trị và người Việt ở đây đã đạt đến “một sự hài hòa mới mẻ” để chính quyền thực dân có thể thực thi có hiệu quả chính sách cai trị.

Thứ ba, về kinh tế, Hà Đông là một tỉnh đông dân, đất đai màu mỡ. Ngoài sản xuất lương thực thực phẩm, Hà Đông còn có nền tiểu thủ công nghiệp cổ truyền, phong phú với trên một trăm ngành nghề, có những sản phẩm thủ công mỹ nghệ không những nổi tiếng trong nước, mà còn trong khối Liên hiệp Pháp. “Có một số mặt hàng kinh doanh tương đương với một số mặt hàng của một xứ nào đó trong khối Liên hiệp Pháp, nó đứng đầu các tỉnh ở Đông Dương”¹¹ như nghề khảm trai ở Chuyên Mỹ (Phú Xuyên), nghề ren ở Bình Minh (Thanh Oai), nghề làm nón ở Chuông (Thanh Oai), nghề thêu ở Quất Động (Thường Tín), đặc biệt là nghề dệt the, lụa ở Vạn Phúc, La Khê, thị xã Hà Đông...

Nền tiểu thủ công nghiệp cổ truyền ở tỉnh Hà Đông rất phong phú, không những nổi tiếng bền, đẹp, tinh xảo, mà còn giải quyết được vấn đề việc làm và mang lại giá trị kinh tế cao, như: Nghề làm mây ở Bằng Sở (Thanh Trì), ở Phú Vinh (Chương Mỹ) làm thúng mủng, giỏ đựng giấy, đĩa đựng bánh, năm 1914 bán được hơn 4.000\$ hàng¹². “Nghề làm ren, cả tỉnh Hà Đông có khoảng 20.000 người làm, thường làm thứ ren filet. Nghề dệt lụa, thêu có 1.550 cái khung cửi dệt lụa. Nghề làm nón có 16 làng. Nghề dệt vải

có khoảng 3.000 khung cửa dệt vải nằm rải rác trong 20 làng và khoảng 1.050 người làm giấy”¹³... Tỉnh Hà Đông có nhiều làng nghề tiểu thủ công nổi tiếng, nên trong các Hội chợ được tổ chức hàng năm, Hà Đông thường thuê tới 7 gian hàng để giới thiệu và bán những sản phẩm thủ công nổi tiếng nhất tỉnh.

Hà Đông, ngoài phát triển kinh tế nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, còn là địa bàn trực tiếp hoặc trung gian cung cấp lương thực, thực phẩm, các nhu cầu sinh hoạt hàng ngày cho thành phố Hà Nội. Hà Đông còn là cầu nối giao lưu kinh tế giữa Hà Nội và nhiều vùng của đất nước. Điều này được chứng minh “*bốn phần trăm kinh tế Hà Đông là buôn bán như buôn sơn, lụa, vải, giấy bản, nón lá, mũ đan, thùng chảo, đồ gỗ chạm... những lò mổ ở Hà Nội, Hải Phòng thường đến mua bò, lợn, trâu ở chợ Bằng, chợ Đơ...*”¹⁴.

Chính sự phát triển về kinh tế, việc trao đổi hàng hóa giữa Hà Đông và Hà Nội đã dần tạo mối quan hệ chặt chẽ giữa người Pháp và nhân dân trong tỉnh, sự giao lưu về tư tưởng ngày càng lớn, càng thường xuyên hơn... Dù là trực tiếp hay gián tiếp thì sự giao lưu đó đã ảnh hưởng đến lối sống và cách sống, làm nảy sinh những nhu cầu mới. Lâu dần ở một số làng tiếp giáp với Hà Nội, đã có nhiều nhà ngói thay thế nhà tranh, làng quê dần dần biến đổi, đường sá được mở rộng... Có thể nói, những thay đổi nhỏ này cũng là một trong những điều kiện thích hợp cho việc thí điểm cải lương hương chính của thực dân Pháp ở thôn quê được thuận lợi. Chính vì vậy, sự

phong phú trong các hoạt động kinh tế của Hà Đông cũng là một trong những tiêu chí để chính quyền Pháp chọn làm tỉnh thí điểm cải lương hương chính.

Thứ tư, về quân sự, tỉnh Hà Đông là vành đai trực tiếp bảo vệ an toàn cho thành phố Hà Nội, nơi đầu não của bộ máy thống trị thực dân ở Bắc Kỳ và toàn Đông Dương. Đồng thời, Hà Đông cũng là bàn đạp để thực dân Pháp tiến hành đàn áp và bình định các tỉnh Bắc Kỳ.

Có thể nói, trong khoảng thời gian những năm đầu thế kỷ XX, tuy Hà Đông nằm sát cạnh Hà Nội, nhưng gần như không có cuộc khởi nghĩa hay bạo động nào của dân chúng. Có lẽ, đây cũng là một trong những lý do để chính quyền Pháp chọn Hà Đông làm tỉnh thí điểm chính sách cải cách hương thôn? Bởi theo nhận xét của Tổng đốc Hà Đông Hoàng Trọng Phu, “*ngay từ cuối năm 1909, tỉnh Hà Đông đã trở lại tình trạng bình ổn về mặt chính trị*”¹⁵.

Thứ năm, về văn hóa - giáo dục, Hà Đông là vùng đất giàu truyền thống văn hiến với một nền giáo dục có trình độ học vấn tương đối cao, kết quả khoa cử khá nổi bật, trong đó tập trung nhất ở các làng khoa bảng, tức là những làng có nhiều người đỗ đạt qua các kỳ thi Nho học của Nhà nước phong kiến. Chính truyền thống hiếu học đó làm cho làng xã của tỉnh Hà Đông thêm yên bình và hưng thịnh. Điều này được minh chứng bằng số lượng các tiến sĩ Nho học của Hà Đông trong suốt các triều đại phong kiến¹⁶.

Bảng: Số lượng Tiến sĩ Nho học qua các thời kỳ

TT	Huyện	Số Tiến sĩ	Các thời kỳ				
			Lý-Trần	Lê sơ	Mạc	Lê-Trịnh	Nguyễn
1	Thường Tín	67	5	23	11	19	9
2	Thanh Oai	48	3	28	7	6	4
3	Hoài Đức	46	1	13	11	17	4
4	Chương Mỹ	34	1	16	6	10	1
5	Ứng Hòa	31	1	13	1	9	7
6	Đan Phượng	13	0	6	1	5	1
7	TX Hà Đông	9	0	3	6	0	0
8	Phú Xuyên	8	0	5	1	1	1
	Cộng	256	11	101	44	67	27
	Cả nước	2898	75	1007	484	774	558
	% so với cả nước	8,83	14,6	10,02	9,0	8,65	4,83

Nguồn: Một số vấn đề văn hiến Hà Tây truyền thống và hiện đại. Sở Văn hóa - Thông tin Hà Tây và Trung tâm Bảo tồn và Phát triển nghệ thuật dân tộc, 2001, tr.98.

Với 256 người đỗ Tiến sĩ trong thời kỳ phong kiến, Hà Đông đứng thứ 3 cả nước sau Hải Dương và Bắc Ninh. Có những làng ở Hà Đông, số người đỗ Tiến sĩ nhiều nổi tiếng cả nước, như làng Chi Nê huyện Chương Mỹ 10 người, làng Sơn Đồng phủ Hoài Đức 8 người, làng Nghiêm Xá huyện Thường Tín 7 người...

Hà Đông là một vùng đất cổ, dấu ấn tín ngưỡng của nhiều thời kỳ lịch sử kết lắng khá đậm nét trong sinh hoạt văn hóa ở làng xã. Do đó, Hà Đông nổi tiếng có nhiều di tích lịch sử, văn hóa gắn liền với các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng. Đó là hệ thống đền, miếu, đình, chùa có mặt ở khắp mọi nơi: chùa Tây Phương, chùa Trăm Gian, chùa Thầy, chùa Hương, đình Tây Đằng...

Tỉnh Hà Đông nổi tiếng không chỉ là địa phương có truyền thống khoa cử, nhiều người đỗ đạt làm quan, mà còn là vùng đất cổ kính có truyền thống văn hóa lâu đời. Vì

vậy, việc chọn Hà Đông làm tỉnh thí điểm cải lương hương chính còn bao hàm một ý đồ chính trị của chính quyền thực dân Pháp, đó là thăm dò sự phản ứng của các tầng lớp nhân dân ở một địa phương có truyền thống văn hóa và lịch sử đối với chủ trương cải lương hương chính của Pháp, một việc làm đụng chạm trực tiếp đến tập quán cổ truyền của làng xã Việt Nam.

Thứ sáu, một trong những yếu tố không thể thiếu khiến chính quyền Pháp chọn Hà Đông làm tỉnh thí điểm cải lương hương chính là vai trò của Tổng đốc Hà Đông Hoàng Trọng Phu.

Hoàng Trọng Phu sinh ra trong một gia đình gắn bó với chính quyền thực dân Pháp ngay từ những buổi đầu đặt chân lên Bắc Kỳ, là con trai thứ hai của Hoàng Cao Khải¹⁷, em trai của Hoàng Mạnh Trí, Tổng đốc Nam Định, con rể của Đỗ Hữu

Phương, Tổng đốc Chợ Lớn. Năm 1897, khi Trường Hậu bổ được thành lập theo thông tư của Phó Toàn quyền Đông Dương và theo đề nghị của Kinh lược Bắc Kỳ Hoàng Cao Khải, Hoàng Trọng Phu được giao nhiệm vụ giảng dạy và điều hành việc học tập của trường.

Hoàng Trọng Phu được đào tạo bài bản, từng du học 6 năm bên Pháp, và là một trong số quan chức đầu tiên tốt nghiệp trường thuộc địa về lãnh chức Tổng đốc Hà Đông từ năm 1907 đến năm 1938, được phong tước Thiếu bảo. Năm 1915, Công sứ tỉnh Hà Đông là Fourque rất hài lòng khi cộng tác với Tổng đốc Hoàng Trọng Phu: *“Tôi lấy làm vinh dự được làm việc dưới quyền ông. Ông đã đem lại cho tôi một tổ chức hành chính hoàn hảo nhất, đã chỉ cho tôi cách hiểu biết về người bản xứ và nơi sinh sống của họ, làm cho tôi hiểu về sự vững bền của cơ cấu cổ truyền của nước này”*¹⁸.

Có thể nói, một lợi thế nữa khiến Hà Đông được chọn làm nơi thí điểm cải lương hương chính là vì Tổng đốc Hoàng Trọng Phu được tiếng là có những cách thức thu phục lòng dân. Điều đó được thể hiện qua đánh giá của một số quan chức chính quyền thực dân: *“Ông đã đi khắp tỉnh thăm dần dần tất cả các làng mạc, làm quen với các chức dịch hàng tổng, hàng xã để mà xem xét, đánh giá. Ông đặc biệt chú ý đến đời sống của người dân quê mà ông muốn làm cho nó tốt đẹp hơn. Ông đã kịp thời phát hiện những phẩm chất và tài năng của người dân quê tỉnh này. Ông khơi dậy tài khéo léo đã bị bỏ quên không ai nhận ra nữa. Rất nhiều xưởng thủ công được dựng lên hoặc phục hồi. Hoạt động kinh tế được nâng đỡ như vậy chắc chắn sẽ làm tăng sự giàu có cho xứ sở.”*¹⁹, *“...tiếp*

*nhận kiến nghị của họ để mà giải quyết những vụ kiện tụng xảy ra trong các làng xóm và đã được đệ trình lên ông, nhất là ông đã tìm mọi cách duy trì những lệ cổ”*²⁰.

Điều này được minh chứng trong vòng 8 năm, từ 1907 đến 1915, tỉnh Hà Đông thay đổi 9 viên Công sứ. *“Các vị đó thay đổi quá nhanh, đến nỗi khó mà định ra được kế hoạch theo ý kiến từng vị, vậy mà ông Tổng đốc Hoàng Trọng Phu đã biết chú ý đến phúc lợi của người dân quê và tự đảm đương việc phát triển kinh tế trong tỉnh”*. Một Công sứ ở Hà Đông từng nhận xét: *“Bằng cách đem lại mỗi lợi, ông (chỉ Hoàng Trọng Phu) đã thành công trong việc thắt chặt dây liên lạc giữa các gia đình, hướng tâm trí người ta vào việc làm ăn, xua đuổi sự nhàn rỗi thường là mối sinh ra nhiều tật xấu. Nền kinh tế phát triển giúp cho ông quan đầu tỉnh bản xứ rất lớn trong công việc cai trị về phương diện chính trị”*²¹.

Riêng về phương diện tổ chức bộ máy cai trị, Hoàng Trọng Phu đã có được những cộng sự có trình độ và tận tụy với “quan trên”, như thương tá Lê Văn Định, Nguyễn Bá Tiệp, Tri phủ Đặng Quốc Giám...; có nhiều người là Tổng lý, Nghị viên hàng tỉnh như Tổng Bầy ở Cầu Đơ, cha con Chánh tổng Đạt ở Phương Trung (Thanh Oai), cha con Chánh tổng Nhân ở Thanh Liệt huyện Thanh Trì, Hàn Thực ở Đăm phủ Hoài Đức, anh em Chánh Ván, Nghị Dự ở Hoàng Xá huyện Ứng Hòa, Chánh Đức huyện Phú Xuyên... Một số người trực tiếp tham gia Hội đồng Kỳ mục, Hội đồng Tộc biểu ở thôn xã và là chỗ dựa cho đợt thí điểm cải lương hương chính ở Hà Đông trong giai đoạn 1910 -1920.

3. Kết luận

Trong giai đoạn chính quyền thực dân Pháp chủ trương tiến hành cuộc cải lương

hương chính ở Bắc Kỳ, Hà Đông vừa được coi là nơi thí điểm, vừa là trọng điểm của công cuộc “khai hóa” làng xã truyền thống. Nếu cải lương hương chính ở Hà Đông thành công, do vị trí giao thông thuận lợi và sự giao thương, buôn bán rộng rãi của nó và vì “*người An Nam có tính bất chước*”²², thì đây sẽ là sự tuyên truyền hữu hiệu, nhanh chóng chính sách cải lương hương chính của chính quyền thực dân Pháp thực hiện trên toàn Bắc Kỳ vào năm 1921. Mục đích của đợt thí điểm cải lương hương chính ở tỉnh Hà Đông là chính quyền thực dân Pháp “*muốn tổ chức bộ máy hành chính cho tốt, muốn thấu triệt đến tận làng xã An Nam, muốn đặt ở đó những nguyên tắc trật tự của mình bằng việc thiết lập vai trò của thuế vụ, bằng một cuộc thí nghiệm nhằm kiểm soát việc quản lý tài chính của làng xã, bằng một bộ máy hành chính trực tiếp mà ngay từ năm 1899 đã cho viên Công sứ Richard²³ thấy rằng ở bất cứ đâu, nhà cầm quyền bản xứ cũng phải dành chỗ cho nhà cầm quyền Pháp một cách nguyên vẹn và đầy đủ*”²⁴. Điều đó có nghĩa là, tăng cường sự cai trị của chính quyền thực dân đối với từng làng xã, từng người dân của xứ An Nam thuộc địa.

Với sự hội tụ đầy đủ những điều kiện chủ quan và khách quan thuận lợi, chính quyền thực dân Pháp đã chọn Hà Đông làm tỉnh thí điểm chính sách cải lương hương chính ở Bắc Kỳ.

Chú thích

1. Theo *Niên biểu hành chính Đông Dương*, năm 1939. Dẫn lại, *Lịch sử Đảng bộ Hà Tây, tập 1. 1926-1945*, tỉnh ủy Hà Tây 1992, tr.18.
2. Năm 1915, sáp nhập huyện Vĩnh Thuận, tức huyện Hoàn Long vào tỉnh Hà Đông. Năm 1942, huyện Hoàn Long sáp nhập vào thành phố Hà Nội.

3. J.Rouan, *Hà Đông tỉnh địa dư chí*, 1925. H., Trung Bắc tân văn, tr. 8.
4. Bùi Thiết, 1985. *Quy mô lãnh thổ, dân cư làng xã Bắc Bộ đầu thế kỷ XX*, Tạp chí *Dân tộc học* số 2, tr. 29-38.
5. Jules Bosc là Công sứ tỉnh Hà Đông từ 8/8/1908 đến 13/5/1910.
6. Hoàng Trọng Phu, 1975. *Nhận xét về tỉnh Hà Đông*, Lê Gia Hội dịch, Thư viện tỉnh Hà Tây, tr.9.
7. Le Gallen, Maurice (27/7/1906-7/3/1907) quan cai trị hạng III; Du villier, Eugène Francois (8/3/1907-7/8/1908) quan cai trị hạng I; Bosc, Jules (8/8/1908-13/5/1910) quan cai trị hạng II; Bride, Jules-Joseph (24/5/1910-18/7/1910) quan cai trị hạng III; Maire, Georges Henri (19/7/1910-21/10/1910) quan cai trị hạng II; Le Gallen, Maurice (9/11/1910-6/4/1912) quan cai trị hạng I; Buffel Du Vaure, Raoul Marie (7/4/1912-22/12/1913) quan cai trị hạng I; Emmerich, Picrre (5/3/1913-9/3/1914) quan cai trị hạng I; Garid, Charles (10/3/1914-16/6/1918) quan cai trị hạng II.
8. Bốn tên thực dân tàn ác nhất, dân ta thường gọi là tứ hung Bắc Kỳ: nhất Đắc (Đắc lơ), nhì Ke (Éc-ke), tam Be (Đề Ga-lam-be), tứ Bích (Bơ-rít).
9. Hoàng Trọng Phu, 1975. *Nhận xét về tỉnh Hà Đông*, Lê Gia Hội dịch, Thư viện tỉnh Hà Tây, tr. 158.
10. Hoàng Trọng Phu, 1975. *Nhận xét về tỉnh Hà Đông*, Lê Gia Hội dịch, Thư viện tỉnh Hà Tây, tr. 9.
11. Hoàng Trọng Phu, 1975. *Nhận xét về tỉnh Hà Đông*, Lê Gia Hội dịch, Thư viện tỉnh Hà Tây, tr. 24.
12. J.Rouan, 1925. *Hà Đông tỉnh địa dư chí*, H., Trung Bắc tân văn, tr. 56.
13. J.Rouan, 1925. *Hà Đông tỉnh địa dư chí*, H., Trung Bắc tân văn, tr.57-58.
14. *Niên biểu hành chính Đông Dương, năm 1909*. Trích lại *Lịch sử Đảng bộ Hà Tây, tập 1: 1926-1945*, Tỉnh ủy Hà Tây, 1992, tr.19.

15. Hoàng Trọng Phu, 1975. *Nhận xét về tỉnh Hà Đông*, Lê Gia Hội dịch, Thư viện tỉnh Hà Tây, tr. 15.
16. *Một số vấn đề văn hiến Hà Tây truyền thống và hiện đại*, 2001. Sở Văn hóa - Thông tin Hà Tây và Trung tâm Bảo tồn và Phát triển nghệ thuật dân tộc, tr.98.
17. Hoàng Cao Khải tên thật Hoàng Văn Khải, hiệu Thái Xuyên, người làng Đông Thái, huyện La Sơn, nay là xã Châu Phong, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Đỗ cử năm 1868, ra làm giáo thụ ở Hoài Đức, tri huyện Thọ Xương, dần dần lên đến Kinh lược Bắc Kỳ tước Duyên Mậu quận công (1890). Nha kinh lược bãi bỏ, Hoàng Cao Khải vào Huế làm phụ chính cho vua Thành Thái. Về hoạt động chính trị, Hoàng Cao Khải là viên quan đặc lực của chính quyền thực dân. Ông đã tham gia đàn áp khởi nghĩa Bãi Sậy của cụ Tán Thuật, khởi nghĩa của nông dân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo, theo lệnh của Pháp viết thư dụ hàng Phan Đình Phùng... Khi nghỉ hưu, Hoàng Cao Khải về ấp Thái Hà ở Hà Nội.
18. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tây, *Sơ thảo lịch sử cách mạng tháng Tám Hà Đông*, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng, 1967, tr.19
19. Hoàng Trọng Phu, *Sđd*, tr. 15.
20. Hoàng Trọng Phu, *Sđd*, tr. 24.
21. *Lịch sử Đảng bộ Hà Tây*, 1992. Tập 1: 1926-1945, Tỉnh ủy Hà Tây, tr.32.
22. *Nghị định và lời chỉ dẫn về việc tổ chức hương hội và lập các sổ chi thu trong các xã ở Bắc Kỳ*, Kê Sở, 1924, tr.3.
23. Richard Jules Luoís (phó sứ hạng I) là Công sứ đầu tiên của thực dân Pháp ở tỉnh Cầu Đơ (tên trước khi đổi thành tỉnh Hà Đông) từ 6/4/1899 đến tháng 3/1900.
24. Hoàng Trọng Phu, 1975. *Nhận xét về tỉnh Hà Đông*, Lê Gia Hội dịch, Thư viện tỉnh Hà Tây, tr.9.

